

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Số: 995/UBND-VX  
V/v công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm, bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Duyên Hải, ngày 18 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã

Thực hiện Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm, bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (*đính kèm*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành rà soát các thủ tục hành chính công bố mới và hết hiệu lực công khai, niêm yết tại Bộ phận một cửa thị xã, trang thông tin điện tử thị xã. Đồng thời, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND thị xã xây dựng các quy trình điện tử đăng tải công dịch vụ công tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời Chủ tịch UBND thị xã biết, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Nhu trên (t/h);
- CT, các PCT.UBND thị xã (đ/b);
- Đăng tải Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VP, NC (Thúy).

**KT.CHỦ TỊCH dao  
PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Cao Thị Hồng Gấm**

Trà Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính  
lĩnh vực việc làm, bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-LĐTBXH ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **05 (năm)** thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực việc làm, bảo trợ xã hội; bãi bỏ **01** TTHC được công bố tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục TTHC lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục

TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia; cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- TTTU, TTHDND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LD VPUBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC VIỆC LÀM, BẢO TRỢ XÃ HỘI  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
(Kèm theo Quyết định số 458 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

<b>I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI</b>						
TT	Tên TT/HC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan thực hiện
<b>I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:</b>						
<b>Lĩnh vực tinh dụng ưu đãi tạo việc làm</b>						
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (1.011546)	Một phần	15 ngày làm việc	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương, Cơ quan cấp tỉnh của Tổ chức thực hiện chương trình	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương, Cơ quan cấp tỉnh của Tổ chức thực hiện chương trình	<p>Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP</li> </ul>
2	Vay vốn hỗ trợ tao việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh (1.011547)	Một phần	15 ngày làm việc	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương, Cơ quan cấp tỉnh của Tổ chức thực hiện chương trình	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương, Cơ quan cấp tỉnh của Tổ chức thực hiện chương trình	<p>Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP</li> </ul>

					nơi thực hiện dự án	ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.
<b>II. Thủ tục hành chính cấp huyện</b>						
<b>1. Lĩnh vực tín dụng ưu đãi tạo việc làm</b>						
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (1.011548)	Một phần	Ngân hàng Chính sách xã hội sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương, Cơ quan cấp tỉnh của Tổ chức hiện thực chương trình	Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan</li> </ul>
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh (1.011550)	Một phần	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án	Ngân hàng Chính sách xã hội xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện chương trình	Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện chương trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan</li> </ul>

<b>2. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>							
01	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (1.001776)	Toàn trình	22 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Không	Ủy ban nhân dân xã, Phòng Lao động - công ích hoặc Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	- Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 104/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
01	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (1.001776)